TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 30/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải
Các hội thẩm nhân dân
- Ông: Giàng A Lình
- Ông: Lý Ngọc Sáng
- *Thư ký phiên tòa bà*: Lâm Thị Tuyết.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Tống Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2017/HSST, ngày 27 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-HSST, ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Lò Hà D** - Sinh năm 1987 tại xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở hiện nay: Bản P, xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: La Hủ; Con ông Lò Lỳ T (Đã chết) và con bà Vàng Nhù P - sinh năm 1962; Chồng Chang Văn T - sinh năm 1987; Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân chưa bị xử lý; Bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2017 đến ngày 26/9/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Chang Văn T - Sinh năm 1987 tại xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Bản P, xã K, huyện M, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Cống; Con ông Chang Văn K (Đã chết) và con bà Séng Thị N - sinh năm 1964; Vợ Lò Hà D - sinh năm 1987; Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân chưa bị xử lý; Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/9/2017 đến ngày 26/9/2017 chuyển tạm giam, đến ngày 02/01/2018 được áp dụng thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ trưa ngày 25/9/2017 Chang Văn T

điều khiển xe máy đi lên nương của gia đinh để đào củ Sắn (Trước khi đi vợ Thương là Lò Hà D có nói trên đường đi nếu còn tiền thì mua 50.000 đồng thuốc phiện về cho em hút), sau khi đào Sắn xong T quay về đến ngã ba quán Dim, T dừng xe rồi đi bộ theo đường mòn hướng lên xã X. Trên đường đi T gặp một người đàn ông dân tộc M qua trao đổi T mua được 01 (Một) gói thuốc phiện với giá 50.000 đồng và 01 (Một) gói thuốc cảm với giá 10.000 đồng với người đàn ông này, sau đó T quay về nhà và giấu số thuốc phiện và thuốc cảm trên đầu giường ngủ của vợ chồng. Khoảng 18 giờ cùng ngày có Lò Văn L và Phùng A B đến nhà T để xin hút thuốc phiện, trước khi hút B đưa cho Lò Hà D là vợ của T số tiền 40.000 đồng, D nhận tiền rồi đưa cho T cầm, sau đó D lấy gói thuốc phiện và thuốc cảm cùng một bộ bàn đèn chuẩn bị cho B hút thì bị tổ công tác Công an xã K, huyện M bắt quả tang và thu giữ 01 (Một) gói thuốc phiện; 01 (Một) bộ bàn đèn tự tạo; 21 viên thuốc tân dược APC và 40.000 ngàn đồng.

Tại bản kết luận giám định tư pháp ngày 26/9/2017 của người giám định tư pháp theo vụ việc Công an huyện M kết luận: Chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lò Hà D và Chang Văn T trong 01 (Một) phong bì niêm phong khi cân có khối lượng (Trọng lượng) là 0,93 gam (Không phẩy chín mươi ba gam). Tại bản kết luận giám định số: 400/GĐ-KTHS ngày 01/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 0,93 gam (Không phẩy chín mươi ba gam) chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lò Hà D và Chang Văn T gửi đến giám định là thuốc phiện. Tại kết luận giám định số: 404/GĐ-KTHS ngày 01/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 04 (Bốn) tờ mệnh giá 10.000 đ (Mười nghìn đồng) có số Sêri: BS 14191039, IQ 07291826, OJ 15810822, QD 15318400 thu giữ của Lò Hà D và Chang Văn T gửi đến giám định đều là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản cáo trạng số: 58/KSĐT-MT ngày 27 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố Lò Hà D và Chang Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009 nay là khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Lò Hà D từ 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009 nay là khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Chang Văn T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Về vật chứng và tài sản: Áp dụng Điều 41/ Bộ luật hình sự năm 1999 nay là Điều 47/ Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 76/ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nay là khoản 2 Điều 106/ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 21(Hai mươi mốt) viên thuốc tân dược APC.

+. Tịch thu sung quỹ nhà nước 40.000 đ tiền VNĐ đang lưu hành của các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T do phạm tội mà có.

- Không áp dụng khoản 5 Điều 194/ Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 251/Bộ luật hình sự năm 2015 là phạt tiền đối với 02 bị cáo D và T, do hoàn cảnh gia đình của 02 bị cáo khó khăn.

- Về án Phí: Áp dụng Điều 99/ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nay là khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136/Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo D và T mỗi người phải chịu án phí 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người bào chữa cho các bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194/ Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 251/Bộ luật hình sự năm 2015; Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến bổ sung gì, đồng ý với lời bào chữa và đề nghị của người bào chữa.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa việc các bị cáo khai báo là hoàn toàn tự nguyện, không bị mớm cung, ép cung, các bị cáo không khiếu nại gì về quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên. Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 25/9/2017 Lò Hà D và Chang Văn T đã có hành vi hút thuốc phiện để được nhận 40.000 đồng kiếm lời. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội" Mua bán trái phép chất ma túy" vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố các bị cáo về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194/ Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Các bị cáo không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, các bị cáo hiểu được điều đó nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội và gia đình. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Đề nghị của kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Đối với đề nghị của người bào chữa về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời khai của các bị cáo và các chứng cứ, tang vật đã thu thập thể hiện do hám lợi nên các bị cáo đã có ý thức mua thuốc phiện và nhận tiền của Phùng A B từ việc sử dụng thuốc phiện. Hội đồng xét xử ghi nhận các chứng cứ gỡ tội; Các tình tiết giảm nhẹ, miễn hình phạt tiền mà người bào chữa đề xuất như các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đang nuôi con nhỏ, gia đình khó khăn để lượng hình đối với các bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng xét bị cáo Lò Hà D và bị cáo Chang Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48/Bộ luật hình sự năm 1999.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/Bộ luật hình sự năm 1999.

[7]. Về nhân thân bị cáo Lò Hà D có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân tộc thiểu số, từ nhỏ không được đi học, bản thân là người sử dụng chất ma túy, hiện tại đang nuôi con nhỏ dưới 36 (Ba mươi sáu) tháng tuổi, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện, chỉ vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng chất ma túy (Thuốc phiện) và mục đích hám lợi của bản thân nên đã phạm tội với vai trò là người thúc đẩy bị cáo Chang Văn T phạm tội.

[8]. Về nhân thân bị cáo Chang Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, từ nhỏ không được đi học, bản thân là người sử dụng chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện, chỉ vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng chất ma túy (Thuốc phiện) và mục đích hám lợi của bản thân nên đã phạm tội với vai trò là người trực tiếp mua thuốc phiện.

[9]. Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 194/ Bộ luật hình sự năm 1999 các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 5 trăm triệu đồng, vì điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình và bản thân bị cáo khó khăn Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

[10]. Vật chứng của vụ án là: 01 (Một) bộ bàn đèn tự tạo; 21(Hai mươi mốt) viên thuốc tân dược APC cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 40.000 đồng (Bốn mươi ngàn đồng) cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 41/Bộ luật hình sự và Điều 76/Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 /Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Hà D **02 (Hai) năm** tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ là 01 (Một) ngày.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46/Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Chang Văn T **02 (Hai) năm** tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 99 (Chín mươi chín) ngày.

- Áp dụng Điều 41/Bộ luật hình sự và Điều 76/Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999 tuyên:

+. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) bộ bàn đèn tự tạo; 21(Hai mươi mốt) viên thuốc tân dược APC của các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T.

+. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 40.000 đồng (Bốn mươi ngàn đồng chẵn) của các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lò Hà D và Chang Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa.
Đã ký

Lò Xuân Hải

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lai Châu
- Công an huyện M.Tè
- VKSND huyện M.Tè
- Chi cục THA huyện M.Tè
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ.